

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU  
DẦU KHÍ VŨNG ÁNG**

Báo cáo tài chính đã kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày  
31/12/2013



## MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 – 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
PHỤ LỤC 04: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	9
BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 – 32



## CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ VŨNG ÁNG

Địa chỉ: Số 417 đường Trần Phú, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần xăng dầu dầu khí Vũng Áng (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

#### THÔNG TIN CHUNG

Công ty cổ phần xăng dầu dầu khí Vũng Áng là một công ty cổ phần được thành lập theo Nghị quyết số 1625/NQ-DKVN ngày 29/05/2007 của Tập đoàn dầu khí Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 28.03.000416 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 20/07/2007. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về cổ đông sáng lập, tỷ lệ góp vốn, trụ sở chính và người đại diện theo pháp luật của công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh chuẩn y tại các đăng ký thay đổi từ lần 1 ngày 21/05/2008 đến thay đổi lần 7 ngày 06/09/2013; theo đó số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được thay đổi bằng mã số doanh nghiệp số 3000413193 trong đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 26/08/2011.

Hoạt động chính trong năm 2013 của Công ty bao gồm kinh doanh xăng dầu và cho thuê kho bãi.

*Cơ cấu tổ chức:*

Công ty có các đơn vị thành viên như sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh Công ty CP xăng dầu dầu khí Vũng Áng tại Tỉnh Quảng Bình	Thôn Dy Lộc, xã Quảng Tùng, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.
- Chi nhánh Công ty CP xăng dầu dầu khí Vũng Áng tại tỉnh Nghệ An	Xóm 11, xã Quỳnh Tam, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Công ty có trụ sở chính tại số 417 đường Trần Phú, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Ông Đinh Hồng Long	Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Nguyễn Trung Kiên	Ủy viên Hội đồng quản trị
- Ông Trần Tiến Đại	Ủy viên Hội đồng quản trị
- Ông Nguyễn Văn Bình	Ủy viên Hội đồng quản trị
- Ông Phạm Tô Văn	Ủy viên Hội đồng quản trị

#### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Ông Nguyễn Trung Kiên	Giám đốc
- Ông Nguyễn Thái Hòa	Phó Giám đốc
- Ông Trần Tiến Đại	Phó Giám đốc

#### SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NIÊN ĐỘ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán BDO đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2013 của Công ty cổ phần xăng dầu dầu khí Vũng Áng.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính và đảm bảo báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2013 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp đã được tuân thủ, những sai lệch trọng yếu (nếu có) đã được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Hà Tĩnh, ngày 18 tháng 02 năm 2014

Đại diện cho HĐQT và Ban Giám đốc



**NGUYỄN TRUNG KIẾN**

Giám đốc



Số: 25 /2014/BCKT - BDO

Hà Nội, ngày 18 tháng 2 năm 2014

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xăng dầu dầu khí Vũng Áng  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2013.

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ VŨNG ÁNG**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần xăng dầu dầu khí Vũng Áng, được lập ngày 18/02/2014 từ trang 05 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần xăng dầu dầu khí Vũng Áng tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**MAI LAN PHƯƠNG**

Tổng Giám đốc

Giấy CNDKHNKT số: 0077-2013-038-1

*Tg*

**NGUYỄN THỊ TRÚC GIANG**

Kiểm toán viên

Giấy CNDKHNKT số: 2272-2013-038-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2013	31/12/2012
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>125.620.604.546</b>	<b>37.692.707.629</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>2.572.053.328</b>	<b>360.165.779</b>
1. Tiền	111		2.572.053.328	360.165.779
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>44.624.502.893</b>	<b>10.233.182.472</b>
1. Phải thu khách hàng	131		40.686.315.528	8.950.990.034
2. Trả trước cho người bán	132		2.785.391.341	379.500.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.2	1.225.229.022	998.632.970
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(72.432.998)	(95.940.533)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.3	<b>74.535.166.424</b>	<b>26.430.468.468</b>
1. Hàng tồn kho	141		74.535.166.424	26.430.468.468
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.888.881.901</b>	<b>668.890.910</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		510.537.780	439.337.743
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.081.946.038	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		296.398.083	229.553.167
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>217.208.844.050</b>	<b>229.153.292.647</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>214.496.653.520</b>	<b>226.694.623.370</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.4	196.835.170.925	204.557.536.981
- Nguyên giá	222		250.025.997.061	234.294.238.164
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(53.190.826.136)	(29.736.701.183)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.5	16.597.322.325	16.675.937.916
- Nguyên giá	228		17.092.314.979	17.000.314.979
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(494.992.654)	(324.377.063)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.6	1.064.160.270	5.461.148.473
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.712.190.530</b>	<b>2.458.669.277</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	2.712.190.530	2.458.669.277
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>342.829.448.596</b>	<b>266.846.000.276</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2013	31/12/2012
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>213.681.045.699</b>	<b>141.239.441.738</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>173.610.834.775</b>	<b>61.169.230.814</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		155.711.154.871	43.130.132.107
3. Người mua trả tiền trước	313		529.790.139	1.260.533.550
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.8	1.816.589.772	7.788.996.682
5. Phải trả người lao động	315		3.123.899.948	1.638.398.125
6. Chi phí phải trả	316	V.9	1.435.679.703	416.205.869
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.10	10.929.800.839	6.929.584.649
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		63.919.503	5.379.832
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>40.070.210.924</b>	<b>80.070.210.924</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.11	40.070.210.924	80.070.210.924
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>129.148.402.897</b>	<b>125.606.558.538</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.12	<b>129.148.402.897</b>	<b>125.606.558.538</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		13.144.833.931	10.938.084.754
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.275.944.825	1.834.594.990
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		13.727.624.141	12.833.878.794
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>342.829.448.596</b>	<b>266.846.000.276</b>

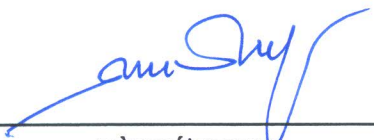


**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	THUYẾT MINH	31/12/2013	31/12/2012
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		216.581.628.472	573.627.621.614
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-


**BÙI ĐỨC DUY**

Kế toán trưởng

**NGUYỄN TRUNG KIÊN**

Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM 2013	NĂM 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.13	2.376.517.275.991	2.082.318.321.341
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.13	70.639.992.983	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	VI.13	<b>2.305.877.283.008</b>	<b>2.082.318.321.341</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.14	2.243.531.195.900	2.031.038.101.432
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>62.346.087.108</b>	<b>51.280.219.909</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.15	64.354.716	171.001.761
7. Chi phí tài chính	22	VI.16	4.502.021.342	6.768.716.508
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.502.021.342	6.768.716.508
8. Chi phí bán hàng	24	VI.17	36.653.855.516	35.115.574.430
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.18	9.134.982.732	9.169.697.437
<b>10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>12.119.582.234</b>	<b>397.233.295</b>
11. Thu nhập khác	31		1.464.432.176	10.422.262.888
12. Chi phí khác	32		85.986.616	1.384.264.563
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>1.378.445.560</b>	<b>9.037.998.325</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>13.498.027.794</b>	<b>9.435.231.620</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.19	73.483.764	608.234.912
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>13.424.544.030</b>	<b>8.826.996.708</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	VI.20	<b>1.342</b>	<b>883</b>

Hà Tĩnh, ngày 18 tháng 02 năm 2014

  
**BÙI ĐỨC DUY**  
 Kế toán trưởng

  
**NGUYỄN TRUNG KIÊN**  
 Giám đốc



## CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ VŨNG ÁNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính

Địa chỉ: Số 417 đường Trần Phú, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

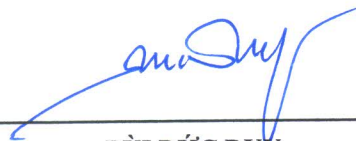
kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****PHỤ LỤC 04: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

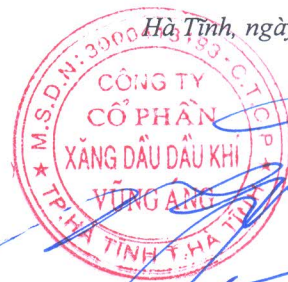
Năm 2013

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Số còn phải nộp đầu kỳ	Số phát sinh phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp chuyển qua kỳ sau
A	B	C	1	2	3	4= (1+2-3)
I.	<b>Thuế</b>	<b>10</b>	<b>7.788.996.682</b>	<b>81.271.370.636</b>	<b>87.243.777.546</b>	<b>1.816.589.772</b>
1.	Thuế GTGT hàng bán nội địa	11	2.796.006.761	10.299.114.300	13.095.121.061	-
2.	Thuế GTGT hàng nhập khẩu	12	-	-	-	-
3.	Thuế tiêu thụ đặc biệt	13	-	-	-	-
4.	Thuế xuất, nhập khẩu	14	-	-	-	-
5.	Thuế thu nhập doanh nghiệp	15	-	73.483.764	73.483.764	-
6.	Thuế tài nguyên	16	-	-	-	-
7.	Thuế nhà đất	17	-	4.102.500	4.102.500	-
8.	Tiền thuê đất	18	-	-	-	-
9.	Thuế môn bài	19	-	14.000.000	14.000.000	-
10.	Thuế thu nhập cá nhân	20	15.967.994	240.677.089	120.788.971	135.856.112
11.	Các loại thuế khác	21	4.977.021.927	70.639.992.983	73.936.281.250	1.680.733.660
II.	<b>Các khoản phải nộp khác</b>	<b>30</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1.	Các khoản phụ thu	31	-	-	-	-
2.	Các khoản phí, lệ phí	32	-	-	-	-
3.	Các khoản khác	33	-	-	-	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>40</b>	<b>7.788.996.682</b>	<b>81.271.370.636</b>	<b>87.243.777.546</b>	<b>1.816.589.772</b>

Hà Tĩnh, ngày 18 tháng 02 năm 2014



**BÙI ĐỨC DUY**  
Kế toán trưởng



**NGUYỄN TRUNG KIÊN**  
Giám đốc



## CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ VŨNG ÁNG

Địa chỉ: Số 417 đường Trần Phú, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Theo phương pháp gián tiếp

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	NĂM 2013	NĂM 2012
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	13.498.027.794	9.435.231.620
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	24.220.912.103	15.265.462.906
- Các khoản dự phòng	03	(23.507.535)	95.940.533
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(64.354.716)	(171.001.761)
- Chi phí lãi vay	06	4.502.021.342	6.768.716.508
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	42.133.098.988	31.394.349.806
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(37.516.603.841)	23.634.812.981
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(48.104.697.956)	(20.380.743.666)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	111.958.342.437	1.325.705.723
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	21.741.411	(1.506.992.838)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(4.502.021.342)	(6.768.716.508)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(73.483.764)	(608.234.912)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(824.160.000)	(328.150.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	63.092.215.934	26.762.030.586
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(12.369.404.954)	(11.619.424.936)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	64.354.716	171.001.761
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(12.305.050.238)	(11.448.423.175)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(40.000.000.000)	(28.504.545.450)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8.575.278.147)	(8.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(48.575.278.147)	(36.504.545.450)
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	50	2.211.887.549	(21.190.938.039)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	360.165.779	21.551.103.818
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2.572.053.328	360.165.779



Hà Tĩnh, ngày 18 tháng 02 năm 2014

*Bùi Đức Duy*  
BÙI ĐỨC DUY  
Kế toán trưởng

*Nguyễn Trung Kiên*  
NGUYỄN TRUNG KIÊN  
Giám đốc

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **I. THÔNG TIN CHUNG**

Công ty cổ phần xăng dầu khí Vũng Áng là một công ty cổ phần được thành lập theo Nghị quyết số 1625/NQ-D KVN ngày 29/05/2007 của Tập đoàn dầu khí Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 28.03.000416 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 20/07/2007. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về cổ đông sáng lập, tỷ lệ góp vốn, trụ sở chính và người đại diện theo pháp luật của công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh chuẩn y tại các đăng ký thay đổi từ lần 1 ngày 21/05/2008 đến thay đổi lần 7 ngày 06/09/2013; theo đó số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được thay đổi bằng mã số doanh nghiệp số 3000413193 trong đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 26/08/2011.

**Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm:**

- *Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan chi tiết: Kinh doanh xăng dầu;*
- *Kho bãi và lưu giữ hàng hóa chi tiết: Tồn chứa xăng dầu;*
- *Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa chi tiết: Vận chuyển xăng dầu bằng đường thủy;*
- *Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chi tiết: Cho thuê kho, cảng xăng dầu;*
- *Vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ chi tiết: Vận chuyển xăng dầu bằng đường bộ;*
- *Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. (bổ sung lần thứ 6) chi tiết: kinh doanh bất động sản;*
- *Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (bổ sung lần thứ 7) chi tiết: Dịch vụ đại lý tàu biển (bao gồm dịch vụ cung ứng tàu biển).*

Công ty có trụ sở chính tại số 417 đường Trần Phú, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

Đến ngày 31/12/2013, tổng số cán bộ nhân viên hiện đang làm việc tại Công ty là 103 người, trong đó cán bộ quản lý là 19 người.

### **II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN.**

**Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Thông tư số 206/2009/TT – BTC ngày 27/10/2009 hướng dẫn kế toán giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ và Thông tư số 244/2009/TT – BTC ngày 31/12/2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Hình thức sổ kế toán áp dụng:** Chứng từ ghi sổ.

**Niên độ kế toán của Công ty:** Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

**Đồng tiền hạch toán:** Công ty sử dụng đồng Việt Nam (VND) để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

### III. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty đã được biết về hai mươi sáu (26) Chuẩn mực kế toán Việt Nam đã được Bộ Tài chính ban hành như sau:

- Quyết định 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4). Hướng dẫn chi tiết thi hành quyết định này cũng đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.
- Quyết định 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5). Hướng dẫn chi tiết thi hành quyết định này cũng đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 21/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.
- Thông tư số 210/2009/TT – BTC ngày 06/11/2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính.

Tuân thủ các quyết định và thông tư hướng dẫn các Chuẩn mực kế toán Việt Nam nói trên, Ban Giám đốc Công ty đã lựa chọn các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có thể áp dụng được đối với hoạt động kinh doanh của Công ty để lập Báo cáo tài chính.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc nhưng số liệu thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi (-) các khoản dự phòng được ước tính cho các khoản phải thu khó đòi dựa trên cơ sở xem xét của Ban Giám đốc đối với các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho tại địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

*Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:* Kê khai thường xuyên.

*Phương pháp xác định giá gốc của hàng tồn kho:* Bình quân gia quyền

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho:* Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng hoạt động. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau khi TSCĐ đã đưa vào hoạt động như chi phí bảo trì, sửa chữa được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ tại thời điểm phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng TSCĐ vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của TSCĐ.

Khi TSCĐ hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi Bảng cân đối kế toán và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của từng nhóm tài sản cố định như sau:

<i>Tài sản</i>	<i>Khung khấu hao</i>
Nhà cửa, vật kiến trúc (*)	05 – 18 năm
Máy móc thiết bị	05 – 18 năm
Phương tiện vận tải	06 – 10 năm
Thiết bị quản lý	03 – 05 năm

(\*): Trong năm 2013, Công ty đã thực hiện thay đổi thời gian khấu hao của nhóm nhà cửa, vật kiến trúc làm cho chi phí khấu hao của đơn vị tăng so với năm 2012 với số tiền là: 8.846.583.942 đồng nhưng vẫn phù hợp với quy định tại Thông tư 45/2013/TT - BTC

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định vô hình gồm: quyền sử dụng đất, tiền thuê đất có thời hạn và phần mềm máy tính.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

#### Tài sản cố định vô hình và khấu hao tài sản cố định (Tiếp theo)

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng. Quyền sử dụng đất của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất vĩnh viễn tại các cửa hàng xăng dầu.

##### *Tiền thuê đất có thời hạn*

Tiền thuê đất có thời hạn là toàn bộ chi phí trực tiếp có liên quan Công ty đã bỏ ra để có được quyền sử dụng lô đất của Cửa hàng xăng dầu Xuân An và văn phòng công ty tại số 417 đường Trần Phú, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh trong thời hạn 50 năm và được phân bổ với thời gian phù hợp với thời gian thuê trong hợp đồng.

##### *Phần mềm kế toán*

Giá mua của phần mềm kế toán mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm kế toán được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 05 năm.

#### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng hệ thống cửa hàng xăng dầu, chi phí cải tạo nhà làm việc văn phòng mà các công trình này chưa kết thúc vào năm tài chính.

#### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh trong quá trình làm thủ tục vay, có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) sau khi trừ đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vay này. Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

#### **Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm các khoản chi phí bảo hiểm xe ô tô và chi phí biển quảng cáo tại các cây xăng của Công ty được phân bổ trong thời gian nhỏ hơn 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu là giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng một lần nhưng bản thân công cụ, dụng cụ đó tham gia vào hoạt động kinh doanh trên một năm tài chính, chi phí sửa chữa các cửa hàng xăng dầu, chi phí giải phóng mặt bằng kho Vũng Áng. Thời gian phân bổ của các khoản chi phí trả trước dài hạn cụ thể như sau:

- Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng được phân bổ vào kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 - 3 năm.
- Chi phí sửa chữa các cửa hàng được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong thời gian 3 năm.
- Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng kho Vũng Áng là toàn bộ các chi phí phát sinh liên quan đến việc đền bù giải phóng mặt bằng để xây dựng kho xăng dầu Vũng Áng. Theo giấy phép ưu đãi đầu tư số 02/KTT của Ban quản lý khu kinh tế Vũng Áng ngày 21/02/2008, khoản chi phí đền bù này sẽ được trừ dần vào tiền thuê đất hàng năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ, nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc năm tài chính trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Đến thời điểm thực chi, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí phần chênh lệch với số đã trích (nếu có). Các khoản chi phí phải trả tại ngày kết thúc niên độ bao gồm chi phí mua bảo hiểm cho Tổng kho, chi phí kiểm toán, một phần giá trị công trình đã hoàn thành nhưng chưa quyết toán tạm tăng đưa vào sử dụng...

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013 là số lợi nhuận từ hoạt động tài chính và hoạt động khác của doanh nghiệp sau khi trừ đi (-) thuế thu nhập doanh nghiệp và tạm phân phối vào các quỹ, trả cổ tức cho các cổ đông.

Trong năm, Công ty đang chia cổ tức cho các cổ đông với tỷ lệ 9% trên vốn điều lệ và trích các quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính từ lợi nhuận của năm 2012 theo Nghị quyết số 248 đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 ngày 15/04/2013.

**Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán xăng dầu được ghi nhận kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có các yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi các khoản tiền bán hàng hoặc có khả năng bị trả lại.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ là các khoản doanh thu từ hoạt động cho thuê kho chứa theo hợp đồng thuê được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng phù hợp với thời gian cho thuê.

**Doanh thu khác**

Doanh thu khác bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng. Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**Thuế****Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập hiện hành của doanh nghiệp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành (25%).

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 02/KKT ngày 21/02/2008 của Ban quản lý khu kinh tế Vũng Áng, Công ty được hưởng thuế suất thuế TNDN 10% áp dụng trong 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh. Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo. Đây là năm thứ 3 Công ty có thu nhập chịu thuế của hoạt động được ưu đãi.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

#### **Thuế (Tiếp theo)**

##### Thuế thu nhập cá nhân

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 02/KKT ngày 21/02/2008 của Ban quản lý khu kinh tế Vũng Áng, Công ty được giảm 50% thuế thu nhập cá nhân đối với người có thu nhập cao bao gồm cả thu nhập thường xuyên và không thường xuyên (kể cả người Việt Nam và người nước ngoài) trực tiếp làm việc tại Tổng kho.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

#### **Các công cụ tài chính**

##### Ghi nhận ban đầu và trình bày

###### *Tài sản tài chính*

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành hoặc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính bao gồm tiền mặt, các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

###### *Nợ phải trả tài chính*

Các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, khoản phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

##### Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại, Thông tư 210 chưa có quy định về đánh giá lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo nguyên giá.

##### Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên báo cáo tài chính nếu và chỉ nếu đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Các chỉ tiêu được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VND)

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

		31/12/2013	31/12/2012
Tiền mặt tại quỹ	(i)	15.878.621	199.849.469
Tiền gửi ngân hàng	(ii)	1.039.565.955	160.316.310
Tiền đang chuyển		1.516.608.752	-
Các khoản tương đương tiền		-	-
<b>Cộng</b>		<b>2.572.053.328</b>	<b>360.165.779</b>

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ vào ngày 31/12/2013 bao gồm:

	VND
Đồng Việt Nam (VND)	15.878.621
<b>Cộng</b>	<b>15.878.621</b>

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2013 bao gồm:

	VND
+ Ngân hàng TMCP ĐT&PT VN - CN Hà Tĩnh	1.853.901
+ Ngân hàng TMCP ĐT&PT VN - CN Bắc Quảng Bình	1.000.000
+ Ngân hàng NN&PTNT VN - CN Lộc Hà	5.005.200
+ Ngân hàng NN&PTNT VN - CN Voi	5.000.000
+ Ngân hàng NN&PTNT VN - CN Quỳnh Lưu	117.612.530
+ Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Hà Tĩnh	1.001.700
+ Ngân hàng TMCP Kỹ thương VN - CN Hà Tĩnh	441.634.007
+ Ngân hàng TMCP Á Châu VN - CN Hà Tĩnh	3.044.756
+ Ngân hàng TMCP Đại Dương VN - CN Hà Tĩnh	5.000.000
+ Ngân hàng TMCP Đại Dương VN - CN Vinh	5.000.000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Trung Đô	4.989.154
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Bắc Hà Tĩnh	4.995.000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Hà Tĩnh	4.995.000
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Nghệ An	400.382.664
+ Ngân hàng TMCP Quốc tế - CN Nghệ An	1.000.000
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - CN Nghệ An	5.303.461
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Hà Tĩnh	1.503.510
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Hà Tĩnh	7.149.243
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Nghệ An	1.062.649
+ Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Hà Tĩnh	22.033.180
<b>Cộng</b>	<b>1.039.565.955</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

#### 2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2013	31/12/2012
Phải thu về cổ phần hóa	-	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
Phải thu khác	1.225.229.022	998.632.970
+ Phải thu của các cửa hàng trường	1.018.261.872	956.722.770
+ Phải thu của Tổng công ty Dầu Việt Nam	49.000.000	-
+ Phải thu của BHXH tỉnh tiền ốm đau thai sản	58.906.640	-
+ Phải thu của Công ty TNHH Thành Xuân	75.998.150	-
+ Tiền BHXH nộp thừa	19.492.637	-
+ Phải thu khác	3.569.723	41.910.200
<b>Cộng</b>	<b>1.225.229.022</b>	<b>998.632.970</b>

#### 3. Hàng tồn kho

	31/12/2013	31/12/2012
Công cụ dụng cụ trong kho	82.954.000	-
Hàng hoá tồn kho	61.230.324.873	26.430.468.468
+ Kho Bắc Nghèn	423.973.482	373.638.975
+ Kho Công ty	547.447.151	579.217.727
+ Kho Kỳ Đồng	308.042.141	364.835.446
+ Kho Mai Phụ	310.738.521	383.434.871
+ Tổng kho Vũng Áng	53.854.527.399	20.245.356.872
+ Kho Quảng Tùng	389.785.665	608.803.393
+ Kho Quỳnh Tam	703.879.195	779.108.012
+ Kho Bình Lộc	143.701.041	516.832.753
+ Kho Kỳ Thịnh	916.703.155	934.472.297
+ Kho Kỳ Văn	714.144.529	874.532.305
+ Kho Xuân An	538.023.164	491.827.543
+ Kho Đức Lâm	400.227.530	278.408.274
+ Kho Núi Hồng	843.236.301	-
+ Kho Hoàn Sơn	1.135.895.599	-
Hàng gửi đi bán (*)	13.221.887.551	-
Hàng hoá kho bảo thuế	-	-
<b>Tổng giá trị của hàng tồn kho</b>	<b>74.535.166.424</b>	<b>26.430.468.468</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của HTK</b>	<b>74.535.166.424</b>	<b>26.430.468.468</b>

(\*) Hàng hóa đã xuất cho Ban quản lý dự án điện lực dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch nhưng chưa có biên bản xác định khối lượng thực tế đã giao của bên thứ 3 độc lập EIC - Vietnam energy inspection corporation để ghi nhận doanh thu theo điều khoản đã thỏa thuận của hợp đồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU ĐẦU KHÍ VŨNG ANG**

Địa chỉ: Số 417 đường Trần Phú, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****4. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, trang thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 31/12/2012	144.335.509.783	76.348.033.628	12.423.372.146	1.187.322.607	-	234.294.238.164
Mua trong năm	-	983.976.087	-	11.354.545	-	995.330.632
Đầu tư XDCB hoàn thành	11.426.795.365	4.252.267.160	-	-	-	15.679.062.525
Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	(209.936.801)	(12.572.272)	(720.125.187)	-	(942.634.260)
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>155.762.305.148</b>	<b>81.374.340.074</b>	<b>12.410.799.874</b>	<b>478.551.965</b>	<b>-</b>	<b>250.025.997.061</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 31/12/2012	17.467.564.551	9.252.871.383	2.458.711.001	557.554.248	-	29.736.701.183
Khấu hao trong năm	15.359.176.766	7.406.404.182	1.137.116.703	147.598.861	-	24.050.296.512
Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	(56.276.676)	(10.476.894)	(529.417.989)	-	(596.171.559)
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>32.826.741.317</b>	<b>16.602.998.889</b>	<b>3.585.350.810</b>	<b>175.735.120</b>	<b>-</b>	<b>53.190.826.136</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 31/12/2012	126.867.945.232	67.095.162.245	9.964.661.145	629.768.359	-	204.557.536.981
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>122.935.563.831</b>	<b>64.771.341.185</b>	<b>8.825.449.064</b>	<b>302.816.845</b>	<b>-</b>	<b>196.835.170.925</b>

Trong đó: Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng

Nguyên giá TSCĐ tạm thời không sử dụng:

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ đã dùng thế chấp, cầm cố cho vay:

đồng

đồng

166.556.138.077 đồng (Chi tiết tại mục V.11 Thuyết minh BCTC)



**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ VŨNG ÁNG**

Địa chỉ: Số 417 đường Trần Phú, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****5. Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	<i>Quyền sử dụng đất vĩnh viễn các kho xăng dầu</i>	<i>Tiền thuê đất 38 năm CHXD Xuân An</i>	<i>Tiền thu đất 50 năm khu VPCT số 417</i>	<i>Phần mềm quản lý</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 31/12/2012	10.635.917.979	1.674.624.000	4.572.873.000	116.900.000	17.000.314.979
Mua trong năm	-	-	-	92.000.000	92.000.000
Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-	-	-	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>10.635.917.979</b>	<b>1.674.624.000</b>	<b>4.572.873.000</b>	<b>208.900.000</b>	<b>17.092.314.979</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 31/12/2012	-	62.431.158	247.697.288	14.248.617	324.377.063
Khấu hao trong năm	-	44.069.053	91.457.451	35.089.087	170.615.591
Tăng khác	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>-</b>	<b>106.500.211</b>	<b>339.154.739</b>	<b>49.337.704</b>	<b>494.992.654</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 31/12/2012	10.635.917.979	1.612.192.842	4.325.175.712	102.651.383	16.675.937.916
Tại ngày 31/12/2013	10.635.917.979	1.568.123.789	4.233.718.261	159.562.296	16.597.322.325

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

#### 6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2013	31/12/2012
Tổng số chi phí XD CB dở dang:	<b>1.064.160.270</b>	<b>5.461.148.473</b>
Trong đó các công trình lớn:	1.064.160.270	5.461.148.473
+ Cửa hàng xăng dầu Núi Hồng	-	4.510.863.855
+ Cửa hàng xăng dầu Kỳ Phương	-	672.057.349
+ Cửa hàng xăng dầu Kỳ Tân	103.671.087	93.451.087
+ Cửa hàng xăng dầu Liên Minh	567.788.593	75.407.273
+ Cửa hàng xăng dầu Thuận Lộc	85.756.591	25.386.364
+ Dự án mở rộng nhà làm việc văn phòng	194.251.953	83.982.545
+ Cửa hàng xăng dầu Mai Phụ mới	112.692.046	-

#### 7. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2013	31/12/2012
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.712.190.530	2.458.669.277
+ Giá trị công cụ dụng cụ phân bổ	995.362.796	143.363.145
+ Chi phí sửa chữa cửa hàng xăng dầu	630.933.040	997.154.734
+ Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng Tổng kho (*)	803.693.000	803.693.000
+ Chi phí thuê cửa hàng xăng dầu	159.000.000	312.159.091
+ Chi phí trả trước dài hạn khác	123.201.694	202.299.307
<b>Cộng</b>	<b>2.712.190.530</b>	<b>2.458.669.277</b>

(\*) Giá trị đền bù giải phóng mặt bằng của Tổng kho của Công ty được trừ dần vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất nộp ngân sách nhà nước theo giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư của Ban quản lý khu kinh tế Vũng Áng ngày 21/12/2008. Tuy nhiên do công ty được miễn tiền thuế đất trong 15 năm đầu hoạt động nên khoản chi phí này sẽ được trừ dần từ năm thứ 16

#### 8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2013	31/12/2012
Thuế giá trị gia tăng	-	2.796.006.761
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	135.856.112	15.967.994
Thuế tài nguyên	-	-
Thuế đất và tiền thuê đất	-	-
Các loại thuế khác	1.680.733.660	4.977.021.927
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.816.589.772</b>	<b>7.788.996.682</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****9. Chi phí phải trả**

	31/12/2013	31/12/2012
Chi phí phải trả khác	1.435.679.703	416.205.869
+ Chi phí tổ chức hội nghị	-	195.000.000
+ Chi phí mua bảo hiểm tổng kho	-	221.205.869
+ Phí sử dụng thương hiệu phải trả	94.352.316	-
+ Tạm ghi nhận giá trị xây dựng CHXD Hoàn Sơn	957.546.961	-
+ Trích bổ sung chi phí thuê CHXD Bắc Nghèn	81.477.273	-
+ Trích trước chi phí ăn ca tháng 12	87.684.000	-
+ Trích trước chi phí làm thêm giờ tháng 12	29.003.000	-
+ Chi phí phải trả khác	185.616.153	-
<b>Cộng</b>	<b>1.435.679.703</b>	<b>416.205.869</b>

**10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	31/12/2013	31/12/2012
Tài sản thừa chờ giải quyết	8.552.170.239	5.542.632.663
Kinh phí công đoàn	-	100.698.765
Bảo hiểm xã hội	-	32
Bảo hiểm y tế	-	-
Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
Kinh phí Đảng	33.376.824	-
Các khoản phải trả phải nộp khác	2.344.253.776	1.286.253.189
+ Phải trả Tổng công ty Dầu Việt Nam	755.251.898	27.464.643
+ Phải trả HĐQT Công ty CP XDDK Vũng Áng	129.000.000	18.000.000
+ Phải trả cổ tức cho các cổ đông	1.456.532.695	1.022.686.200
+ Phải trả khác	3.469.183	218.102.346
<b>Cộng</b>	<b>10.929.800.839</b>	<b>6.929.584.649</b>

**11. Vay và nợ dài hạn**

	31/12/2013	31/12/2012
Vay dài hạn	40.070.210.924	80.070.210.924
+ Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Hà Tĩnh	40.070.210.924	80.070.210.924
<b>Cộng</b>	<b>40.070.210.924</b>	<b>80.070.210.924</b>

Chi tiết các khoản vay ngân hàng và các công ty tài chính dài hạn

Bên cho vay	Hợp đồng vay/khoản vay	Số dư cuối năm	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng phát triển Việt Nam - CN Hà Tĩnh	HĐ tín dụng sửa đổi BS số 05/2009/HĐTDB S-NHPT ngày 7/12/2009	40.070.210.924	Trả theo quý, kỳ trả cuối cùng quý IV/2016	6,9% năm	Quyền sử dụng đất và TS hình thành từ dự án
<b>Cộng</b>		<b>40.070.210.924</b>			

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

12. *Vốn chủ sở hữu*

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Cổ phiếu quỹ</i>	<i>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Số dư đầu năm trước</b>	100.000.000.000	-	-	-	-	-	25.113.091.662	125.113.091.662
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	8.826.996.708	8.826.996.708
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	10.938.084.754	1.834.594.990	-	-	12.772.679.744
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	-	-	(18.000.000.000)	(18.000.000.000)
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	-	-	(3.106.209.576)	(3.106.209.576)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước/đầu năm nay</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>10.938.084.754</b>	<b>1.834.594.990</b>	<b>-</b>	<b>12.833.878.794</b>	<b>125.606.558.538</b>
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	13.424.544.030	13.424.544.030
Tăng khác	-	-	-	2.206.749.177	441.349.835	-	-	2.648.099.012
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho các cổ đông (*)	-	-	-	-	-	-	(9.000.000.000)	(9.000.000.000)
Phân phối các quỹ (*)	-	-	-	-	-	-	(3.530.798.683)	(3.530.798.683)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>13.144.833.931</b>	<b>2.275.944.825</b>	<b>-</b>	<b>13.727.624.141</b>	<b>129.148.402.897</b>

(\*): Trong năm 2013, Công ty đã trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, chia cổ tức cho cổ đông từ lợi nhuận sau thuế năm 2012 của Công ty theo đều lệ hoạt động của Công ty và Nghị quyết số 248/NQ-DKVA-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông ngày 15/4/2013



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2013			31/12/2012		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	CP ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	CP ưu đãi
Vốn đầu tư của Nhà nước	-	-	-	-	-	-
Vốn góp của các cổ đông	100.000.000.000	100.000.000.000	-	100.000.000.000	100.000.000.000	-
+ Tổng công ty Dầu Việt Nam (PV oil)	56.500.000.000	56.500.000.000	-	56.500.000.000	56.500.000.000	-
+ Công ty CP kinh doanh khí hóa lỏng miền Bắc	10.000.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000	10.000.000.000	-
+ Tổng công ty khoáng sản và thương mại Hà Tĩnh	10.000.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000	10.000.000.000	-
+ Vốn góp của các cổ đông khác	23.500.000.000	23.500.000.000	-	23.500.000.000	23.500.000.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>-</b>

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	2013	2012
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	100.000.000.000	100.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	100.000.000.000	100.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	9.000.000.000	18.000.000.000

Cổ tức:

	2013	2012
Cổ tức công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm	9.000.000.000	18.000.000.000
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	9%	18%
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu:

	31/12/2013	31/12/2012
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu:

	31/12/2013	31/12/2012
Quỹ đầu tư phát triển	13.144.833.931	10.938.084.754
Quỹ dự phòng tài chính	2.275.944.825	1.834.594.990
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

Mục đích trích lập các quỹ:

+ *Quỹ đầu tư phát triển được sử dụng cho việc đầu tư mở rộng các hoạt động kinh doanh trong tương lai như đầu tư vốn vào các doanh nghiệp khác, mua sắm TSCĐ, xây dựng cơ bản, nghiên cứu và phát triển, đào tạo và cải thiện môi trường làm việc.*

+ *Quỹ dự phòng tài chính được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty trước những rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nguyên nhân khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.*

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Các chỉ tiêu được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VND)

#### 13. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	2013	2012
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>2.376.517.275.991</b>	<b>2.082.318.321.341</b>
Trong đó:		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	2.364.562.567.469	2.082.318.321.341
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	11.954.708.522	-
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>70.639.992.983</b>	<b>-</b>
Chiết khấu thương mại	-	-
Thuế bảo vệ môi trường	70.639.992.983	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>2.305.877.283.008</b>	<b>2.082.318.321.341</b>
<i>Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm hàng hoá</i>	2.293.922.574.486	2.082.318.321.341
<i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	11.954.708.522	-

#### 14. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2013	2012
Giá vốn hàng hoá đã bán	2.233.997.130.117	2.031.038.101.432
Giá vốn thành phẩm đã bán	-	-
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	9.534.065.783	-
Hao hụt, mất mát hàng tồn kho	-	-
Các khoản chi phí vượt mức bình thường	-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.243.531.195.900</b>	<b>2.031.038.101.432</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

#### 15. Doanh thu hoạt động tài chính

	2013	2012
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	64.354.716	171.001.761
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>64.354.716</b>	<b>171.001.761</b>

#### 16. Chi phí tài chính

	2013	2012
Lãi tiền vay	4.502.021.342	6.768.716.508
Lỗ do bán ngoại tệ	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-
Chi phí tài chính khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.502.021.342</b>	<b>6.768.716.508</b>

#### 17. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	2013	2012
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	73.483.764	608.234.912
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm nay	-	-
<b>Cộng</b>	<b>73.483.764</b>	<b>608.234.912</b>

#### 18. Chi phí bán hàng

	2013	2012
Chi phí nhân công (Lương, BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ)	7.475.796.233	10.041.269.754
Chi phí vật liệu bao bì	436.088.466	974.743.249
Chi phí khấu hao TSCĐ	14.488.692.251	13.551.976.681
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.562.738.546	1.648.612.857
Chi phí khác bằng tiền	8.690.540.020	8.898.971.889
<b>Cộng</b>	<b>36.653.855.516</b>	<b>35.115.574.430</b>

#### 19. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2013	2012
Chi phí nhân công (Lương, BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ)	5.141.850.070	4.063.338.226
Chi phí vật liệu bao bì	17.420.372	369.948.683
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.238.154.069	1.217.647.074
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	11.022.726
Thuế và lệ phí	4.810.500	20.476.983
Chi phí dịch vụ mua ngoài	662.780.938	1.697.335.190
Chi phí khác bằng tiền	2.069.966.783	1.789.928.555
<b>Cộng</b>	<b>9.134.982.732</b>	<b>9.169.697.437</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)****20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Công ty chưa tính và trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết của Bộ Tài chính hoặc do thiếu thông tin về thị trường.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	2013	2012
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.424.544.030	8.826.996.708
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty	13.424.544.030	8.826.996.708
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	10.000.000	10.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.342</b>	<b>883</b>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được xác định như sau:

	2013	2012
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu phát hành thêm lưu hành trong năm	-	-
Trừ: Số lượng cổ phiếu quỹ mua lại trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	10.000.000	10.000.000

**VII. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****1. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính**

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản. Chính sách quản lý rủi ro tài chính chung của Công ty tập trung vào việc dự đoán các biến động không mong muốn của thị trường và tập trung làm giảm các tác động xấu đối với kết quả kinh doanh của Công ty.

**Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, và rủi ro về giá khác. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm tiền gửi, vay và nợ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**Rủi ro tiền tệ**

Công ty không có rủi ro tiền tệ do thực hiện các giao dịch bằng đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****VII. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****1. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)*****Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng được đánh giá ở mức thấp. Công ty có rủi ro tín dụng từ các khoản tiền gửi ngân hàng, khoản phải thu khách hàng. Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán.

***Tiền gửi ngân hàng***

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

***Phải thu khách hàng***

Các khoản phải thu có rủi ro đã được trích lập dự phòng như số liệu đã trình bày trên bảng cân đối kế toán.

***Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời gian đáo hạn của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	<i>Không kỳ hạn</i>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1 - 5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Ngày 31/12/2013</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.572.053.328	-	-	2.572.053.328
Các khoản đầu tư	-	-	-	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	-	41.839.111.552	-	41.839.111.552
Tài sản tài chính khác	-	296.398.083	-	296.398.083
<b>Cộng</b>	<b>2.572.053.328</b>	<b>42.135.509.635</b>	-	<b>44.707.562.963</b>
<b>Ngày 31/12/2013</b>				
Các khoản vay	-	-	40.070.210.924	40.070.210.924
Phải trả người bán và phải trả khác	-	166.640.955.710	-	166.640.955.710
Chi phí phải trả	-	1.435.679.703	-	1.435.679.703
<b>Cộng</b>	-	<b>168.076.635.413</b>	<b>40.070.210.924</b>	<b>208.146.846.337</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>2.572.053.328</b>	<b>(125.941.125.778)</b>	<b>(40.070.210.924)</b>	<b>(163.439.283.374)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****VII. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****1. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)**

	<i>Không kỳ hạn</i>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1 - 5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Ngày 31/12/2012</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	360.165.779	-	-	360.165.779
Phải thu khách hàng và phải thu khác	-	9.853.682.472	-	9.853.682.472
Tài sản tài chính khác	-	229.553.167	-	229.553.167
<b>Cộng</b>	<b>360.165.779</b>	<b>10.083.235.639</b>	<b>-</b>	<b>10.443.401.418</b>
<b>Ngày 31/12/2012</b>				
Các khoản vay	-	-	80.070.210.924	80.070.210.924
Phải trả người bán và phải trả khác	-	50.059.716.756	-	50.059.716.756
Chi phí phải trả	-	416.205.869	-	416.205.869
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>50.475.922.625</b>	<b>80.070.210.924</b>	<b>130.546.133.549</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>360.165.779</b>	<b>(40.392.686.986)</b>	<b>(80.070.210.924)</b>	<b>(120.102.732.131)</b>

**2. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	<i>Giá trị ghi sổ</i>		<i>Giá trị hợp lý</i>	
	<i>31/12/2013</i>	<i>31/12/2012</i>	<i>31/12/2013</i>	<i>31/12/2012</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.572.053.328	360.165.779	2.572.053.328	360.165.779
Phải thu khách hàng	40.613.882.530	8.855.049.501	40.613.882.530	8.855.049.501
Các khoản phải thu khác	1.225.229.022	998.632.970	1.225.229.022	998.632.970
Tài sản tài chính khác	296.398.083	229.553.167	296.398.083	229.553.167
	<b>44.707.562.963</b>	<b>10.443.401.418</b>	<b>44.707.562.963</b>	<b>10.443.401.418</b>
	<i>Giá trị ghi sổ</i>		<i>Giá trị hợp lý</i>	
	<i>31/12/2013</i>	<i>31/12/2012</i>	<i>31/12/2013</i>	<i>31/12/2012</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	40.070.210.924	80.070.210.924	40.070.210.924	80.070.210.924
Phải trả người bán	155.711.154.871	43.130.132.107	155.711.154.871	43.130.132.107
Chi phí phải trả	1.435.679.703	416.205.869	1.435.679.703	416.205.869
Phải trả, phải nộp khác	10.929.800.839	6.929.584.649	10.929.800.839	6.929.584.649
	<b>208.146.846.337</b>	<b>130.546.133.549</b>	<b>208.146.846.337</b>	<b>130.546.133.549</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- *Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.*

- *Giá trị hợp lý của khoản phải thu bằng giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng đã trích lập*



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Thông tin về các bên có liên quan**Các bên liên quan:

Các bên được xem là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát phía bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Các bên có liên quan là các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong năm tài chính 2013, các bên được nhận biết là bên liên quan đến Công ty bao gồm Tổng công ty Dầu Việt Nam, Tập đoàn dầu khí Việt Nam và các công ty thuộc Tổng công ty dầu Việt Nam; Tập đoàn dầu khí Việt Nghiệp vụ với các bên liên quan:

Thù lao trả cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát của Công ty phát sinh trong năm, chi tiết như sau:

	2013	2012
Tiền lương và phụ cấp	1.425.724.276	1.179.411.740
Tiền thưởng	789.742.000	273.956.242
Các khoản khác	-	117.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.215.466.276</b>	<b>1.570.367.982</b>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan khác trong năm bao gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Giá trị (VND)</u>
<b>Phải thu khách hàng</b>			
1. Ban quản lý dự án điện lực dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	Cty trong cùng Tập đoàn	Bán hàng	155.990.445.880
2. CN Công ty TNHH MTV KD KHL Miền Trung tại Hà Tĩnh	Cty trong cùng Tập đoàn	Bán hàng	1.281.692.527
3. Ban QLDA ĐLKD Vũng Áng - Quảng Trạch	Cty trong cùng Tập đoàn	Bán hàng	1.272.490.925
4. Cty CP KD Khí Hoá Lòng Miền Bắc	Cty trong cùng Tập đoàn	Bán hàng	133.747.474
5. Tổng Công ty Dầu Việt Nam	Công ty mẹ	Bán hàng	12.948.000.000
6. Công ty CP xăng dầu dầu khí Hà Nội	Cty trong cùng Tổng công ty	Bán hàng	1.142.373
7. Công ty cổ phần xăng dầu dầu khí PV OIL Miền Trung	Cty trong cùng Tổng công ty	Bán hàng	3.508.311
8. Công ty cổ phần xăng dầu dầu khí Nam Định	Cty trong cùng Tổng công ty	Bán hàng	5.389.063
9. Công ty CP xăng dầu dầu khí Hải Phòng	Cty trong cùng Tổng công ty	Bán hàng	111.091
10. Công ty CP xăng dầu dầu khí Ninh Bình	Cty trong cùng Tổng công ty	Bán hàng	16.053
11. Công ty CP xăng dầu dầu khí Thừa Thiên Huế	Cty trong cùng Tổng công ty	Bán hàng	36.096.826
12. Công ty CP xăng dầu dầu khí Thanh Hoá	Cty trong cùng Tổng công ty	Bán hàng	47.145.653



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)****1. Thông tin về các bên có liên quan (tiếp theo)**

<b>Phải trả người bán</b>			
1. Tổng Công ty Dầu Việt Nam	Công ty mẹ	Mua hàng	2.508.965.150.319
2. CN Cty CP hoá dầu DK VIDAMO tại Miền Bắc	Cty trong cùng Tổng công ty	Mua hàng	1.638.082.932
3. Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ Thuật và Đầu tư - Công ty CP - xí nghiệp xăng dầu PETEC Hải Phòng	Cty trong cùng Tổng công ty	Mua hàng	3.197.259
4. Công ty CP thương mại dầu khí (Petechim)	Cty trong cùng Tổng công ty	Mua hàng	93.500.000
5. Công ty bảo hiểm dầu khí KV Bắc Trung Bộ	Cty trong cùng Tập đoàn	Mua hàng	1.231.149.224

Số dư với các bên liên quan:

Vào thời điểm kết thúc năm tài chính, số dư của Công ty với các bên liên quan như sau:

<b>Các bên có liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Khoản phải thu</b>	<b>Khoản phải trả</b>
<b>I. Phải thu khách hàng</b>		<b>3.907.263.214</b>	
1. Ban QLDA ĐLKD Vũng Áng - Quảng Trạch	Cty trong cùng Tập đoàn	21.842.240	
2. Cty CP KD Khí Hoá Lông Miền Bắc	Cty trong cùng Tập đoàn	57.011.604	
3. Tổng Công ty dầu Việt Nam	Công ty mẹ	3.735.000.000	
4. Công ty CP xăng dầu dầu khí Hà Nội	Cty trong cùng Tổng công ty	1.142.373	
5. Công ty cổ phần xăng dầu dầu khí PV OIL Miền Trung	Cty trong cùng Tổng công ty	3.508.311	
6. Công ty cổ phần xăng dầu dầu khí Nam Định	Cty trong cùng Tổng công ty	5.389.063	
7. Công ty CP xăng dầu dầu khí Hải Phòng	Cty trong cùng Tổng công ty	111.091	
8. Công ty CP xăng dầu dầu khí Ninh Bình	Cty trong cùng Tổng công ty	16.053	
9. Công ty CP xăng dầu dầu khí Thừa Thiên Huế	Cty trong cùng Tổng công ty	36.096.826	
10. Công ty CP xăng dầu dầu khí Thanh Hoá	Cty trong cùng Tổng công ty	47.145.653	
<b>II. Phải trả người bán</b>			<b>155.030.898.208</b>
1. Tổng Công ty dầu Việt Nam	Công ty mẹ		155.027.700.949
2. Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ Thuật và Đầu tư - Công ty CP - xí nghiệp xăng dầu PETEC Hải Phòng	Cty trong cùng Tổng công ty		3.197.259

**2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ**

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc niên độ kế toán.



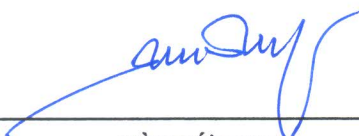
## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)

#### 3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào 31/12/2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

Hà Tĩnh, ngày 18 tháng 02 năm 2014

  
\_\_\_\_\_  
**BÙI ĐỨC DUY**  
Kế toán trưởng

  
\_\_\_\_\_  
**NGUYỄN TRUNG KIÊN**  
Giám đốc